TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 30 – 9 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Võ Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Truyền – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41A/2021/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: 1/ Bà Huỳnh Thị Phương D

2/ Ông Nguyễn Hoàng N

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Phương D và ông Nguyễn Hoàng N có tham gia một số dây hụi do bà làm chủ hụi, bà D và ông N đã hốt nhưng sau đó không đóng hụi chết và còn nợ của bà cụ thể như sau.

Trong thời gian năm 2015 và năm 2016, bà D cùng ông N tham gia 05 dây hụi ngày với tổng 65 phần, mỗi phần 100.000 đồng. Ông N và bà D hốt hết 65 phần và còn nợ lại 50 ngày chưa đóng bằng số tiền 65 phần x 100.000 đồng x 50 ngày = 321.500.000 đồng

Hụi tháng 5.000.000 đồng/phần, bà D và ông N tham gia 02 phần, hốt và còn nợ lại 05 tháng bằng số tiền 10.000.000 đồng x 5 tháng = 50.000.000 đồng

Mượn hụi của bà 10 phần hụi ngày, mỗi phần 100.000 đồng/phần, còn nợ 105 ngày bằng số tiền 105.000.000 đồng và bà cho vay thêm 35.000.000 đồng, tổng cộng 140.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2016, bà D và ông N nhờ bà vay số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi 03 tháng là 90.000.000 đồng. Cộng vốn và lãi bằng 390.000.000 đồng.

Đến ngày 09/02/2017, ông N và bà D đối chiếu nợ và ký nhận tổng số tiền vay và tiền hụi là 912.000.000 đồng.

Đồng thời cùng ngày 09/02/2017, bà D và ông N xin tham gia thêm 02dây hụ tháng và ngày (trong đó hụi tháng 02 phần và hụi ngày 05 phần), bà D và ông N hốt được 162.750.000.000 đồng và cấn trừ vào số nợ trên. Sau khi cấn trừ, số nợ còn lại 743.500.000 đồng, cộng với tiền nợ hai dây hụi chết là 250.000.000 đồng và bà còn cho vợ chồng ông N bà D mượn thêm 30.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà D và ông N phải trả cho bà 1.023.500.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi bà nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận tổng số tiền nợ khi hai bên đối chiếu với nhau là 901.500.000 đồng, bản cam kết ghi tổng 912.000.000 là do nhầm lẫn khi cộng.

Bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng theo quy định để tham gia tại Tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, những người tham gia tố tụng nguyên

đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả trả nguyên đơn số tiền nợ hụi 476.500.000 đồng và số tiền nợ vay bao gồm gốc và lãi là 315.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu đối với những phần nguyên đơn rút tại tòa và dành quyền khởi kiện lại cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Phương D và ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng. Căn cứ vào Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bị đơn bà D và ông N có trách nhiệm trả lại cho bà khoản nợ hụi và khoản nợ vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã cung cấp được cho Tòa án các giấy ghi hụi, giấy xác nhận hốt hụi và giao hụi, đơn cam kết trả tiền hụi, trong giấy giao tiền hụi có chữ ký của bà D và giấy cam kết trả nợ hụi có chữ ký của bà D và ông N. Bà T cam đoan những chữ ký của bà D và ông N trong các tài liệu do bà cung cấp là do chính bà D và ông N ký và viết ra. Do ông N và bà D vắng mặt tại nơi cư trú, khi thay đổi nơi cứ trú không báo cho bà T biết nên Tòa án không thể làm việc trực tiếp với bà D, ông N. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp để xác định có hay không có khoản nợ của bà D và ông N còn nợ bà T là phù hợp.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ xét thấy tại các danh sách hụi ngày đều có tên bà D tham gia, đối với 02 phần hụi tháng bà T cung cấp được cho Tòa án đơn vô hụi thể hiện đã giao 02 phần hụi cho bà D và được bà D ký nhận, trong đó dây hụi mở ngày 09/10/2015, bà D hốt được 70.320.000 đồng, dây hụi mở ngày 09/8/2015 bà D hốt được 61.400.000 đồng. Đặc biệt đối với tờ cam kết trả nợ hụi có chữ ký của bà D và ông N thể hiện cụ thể từng khoản nợ hụi và nợ vay của ông N và bà D còn nợ bà T tính đến ngày 09/02/2017. Từ đó xác định bà D và ông N còn nợ bà T tiền hụi và tiền vay là đúng sự thật

Tuy nhiên bản cam kết thể còn có chổ chưa phù hợp, chưa đúng quy định nên được điều chỉnh lại, cụ thể:

[1.1] Về tiền hụi: Bản cam kết thể hiện tiền hụi ngày mượn của bà T 105 ngày, mỗi ngày 10 phần, mỗi phần 100.000 đồng thành số tiền 105.000.000 đồng nhưng lại ghi tổng cộng 140.000.000 đồng. Bà T khai bà cho vay thêm 35.000.000 đồng nên tổng thành 140.000.000 đồng tuy nhiên bản cam kết không đề cập đến có khoản vay này. Tại phiên tòa, bà T đồng ý rút phần cho vay 35.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền hụi ông N, bà D còn nợ của bà T gồm 65 phần hụi ngày với số tiền 321.500.000 đồng; nợ 02 phần hụi tháng với số tiền 50.000.000 đồng; nợ tiền hụi mượn 10 phần bằng 105.000.000 đồng, tổng cộng 476.500.000 đồng.

[1.2] Đối với khoản nợ vay 300.000.000 đồng đã được ông N và bà D thống nhất trong bản cam kết trả nợ nhưng về phần lãi suất thỏa thuận là quá cao, pháp luật không cho phép. Bà T cho rằng bà chưa nhận được số tiền lãi nào của khoản vay trên. Tại Tòa, bà T đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật trong 03 tháng từ ngày 09/12/2016 đến ngày viết biên nhận 09/02/2017 (âm lịch), vì vậy tiền lãi được tính điều chỉnh bằng 20%/năm = (20% x 300.000.000 đồng)/12 x 3 = 15.000.000 đồng. Tổng số tiền vay bao gồm gốc và lãi là 315.000.000 đồng.

[1.3] Đối với 02 dây hụi tham thêm vào ngày 09/02/2017 gồm có 02 phần hụi tháng mỗi phần 5.000.000 đồng và 05 phần hụi ngày mỗi phần 100.000 đồng. Bà T khai ông N và bà D đã hốt được 162.570.000.000 để cấn trừ vào tổng số nợ ghi trong bản cam kết ngày 09/02/2017. Ngoài ra, bà có cho bà D, ông N vay thêm 30.000.000 đồng. Do trong bản cam kết không thể hiện đã hốt hụi hay có nợ khoản tiền 30.000.000 đồng, bà T cũng không cung cấp được các chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa, bà T xin được rút yêu cầu để bà đối chiếu cho rõ với bà D, ông N về số tiền đã hốt được và số tiền còn nợ 30.000.000 đồng, nếu không thỏa thuận được thì bà sẽ khởi kiện sau.

Từ các phân tích trên cần buộc ông N và bà D có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi 476.500.000 đồng và 315.000.000 đồng tiền nợ vay (trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng; tiền lãi 15.000.000 đồng).

[2.2] Đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà T khởi khởi kiện ông N và bà D phải trả khoản nợ 250.000.000 đồng của hai dây hụi tháng và hụi ngày tham gia ngày 09/02/2017. Đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà T khởi khởi kiện ông N và bà D phải trả cùng hai khoản nợ vay 35.000.000 đồng và khoản vay 30.000.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu đối với phần yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; 468; 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T

Buộc bà Huỳnh Thị Phương D và ông Nguyễn Hoàng N có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền nợ hụi và nợ vay 791.500.000 đồng (Bảy trăm chín mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó gồm nợ hụi 476.500.000 đồng và nợ vay tiền lãi và gốc là 315.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà T khởi khởi kiện ông N và bà D phải trả khoản nợ 250.000.000 đồng của hai dây hụi tháng và hụi ngày tham gia ngày 09/02/2017. Đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà T khởi khởi kiện ông N và bà D phải trả cùng hai khoản nợ vay 35.000.000 đồng và khoản vay 30.000.000 đồng.

Dành quyền khởi kiện lại cho nguyên đơn đối với phần được đình chỉ theo quuy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 35.660.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Nguyên đơn được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.352.000 đồng tại biên lai số 0007730 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Chi phí đăng tin: 3.921.500 đồng (Ba triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng), nguyên đơn phải chịu. Nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7a và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự, Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ